

Số: 1406/QĐ-UBND

Bình Hưng Hòa, ngày 07 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về công khai quyết toán ngân sách năm 2025
phường Bình Hưng Hòa.

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân lâm thời phường Bình Hưng Hòa về phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách phường năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 1486/TTr-KTHTĐT ngày 06 tháng 4 năm 2026 về công số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 đã được Hội đồng nhân dân phường phê duyệt.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 đã được Hội đồng nhân dân phường phê duyệt (theo các biểu đính kèm)

Hình thức công khai: Công bố trên trang thông tin điện tử Ủy ban nhân dân phường và niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa.

Điều 2. Giao Phòng Văn hóa – Xã hội đăng thông tin công khai trên trang thông tin điện tử Ủy ban nhân dân phường. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường thực hiện niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Kinh Tế, Hạ tầng và

Đô thị phường, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội phường và các cơ quan, đơn vị thuộc phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *kh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND phường;
- UBND phường: CT, PCT;
- UBMTTQVN phường;
- Công an, Quân sự;
- Văn phòng Đảng ủy phường;
- Các phòng chuyên môn;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Trường học công lập thuộc phường;
- Lưu: VT, (Đào).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Cường

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Đính kèm Quyết định số 1406 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	515.658.000.000	554.605.608.603	38.947.608.603	108%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	13.995.000.000	30.628.592.279	16.633.592.279	219%
-	Thu NSDP hưởng 100%	3.740.000.000	7.522.375.521	3.782.375.521	201%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	10.255.000.000	23.106.216.758	12.851.216.758	225%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	501.663.000.000	523.977.016.324	22.314.016.324	104%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	480.515.000.000	457.400.668.688	-23.114.331.312	95%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	21.148.000.000	66.576.347.636	45.428.347.636	315%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
VI	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên				
VII	Thu viện trợ				
VIII	Thu từ các khoản huy động đóng góp				
B	TỔNG CHI NSDP	515.658.000.000	501.072.584.023	-14.585.415.977	97%
I	Tổng chi cân đối NSDP	515.658.000.000	476.300.347.133	-39.357.652.867	92%
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi thường xuyên	495.825.000.000	476.300.347.133	-19.524.652.867	96%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	19.833.000.000			
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi các chương trình mục tiêu				
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		22.933.236.890	22.933.236.890	
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		1.839.000.000	1.839.000.000	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP				
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP				
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc				
G	TỔNG MỨC DỰ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP				
I	Vay Ngân hàng Phát triển				
II	Vay vốn ODA				



QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

(Đính kèm Quyết định số 21/00/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH			
B	NGÂN SÁCH XÃ			
I	Nguồn thu ngân sách	515.658.000.000	554.605.608.603	108%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	13.995.000.000	30.628.592.279	219%
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	10.255.000.000	18.870.486.629	184%
-	Thu phí, lệ phí		650.916.985	
-	Lệ phí môn bài		744.634.151	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.940.000.000	3.533.637.331	120%
-	Thu khác ngân sách; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi, công sản khác	800.000.000	6.828.917.183	854%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	501.663.000.000	523.977.016.324	104%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	480.515.000.000	457.400.668.688	95%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	21.148.000.000	66.576.347.636	31481%
3	Thu kết dư			
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
5	Thu từ cấp dưới nộp lên			
6	Thu huy động đóng góp			
II	Chi ngân sách	515.658.000.000	501.072.584.023	97,17
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	515.658.000.000	476.300.347.133	92,37
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách			
-	Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		22.933.236.890	
4	Chi ngân sách cấp dưới nộp ngân sách cấp trên		1.839.000.000	
III	Kết dư	0	53.533.024.580	

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA

Biểu mẫu số 50

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Đính kèm Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)



Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D+E)	19.590.000.000	537.972.016.324	454.574.046.979	554.605.608.603	2320,44%	103,09%
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	19.590.000.000	13.995.000.000	454.574.046.979	30.628.592.279	2320,44%	218,85%
I	Thu nội địa			454.574.046.979	30.628.592.279		
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo			10.887.937.876			
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			892.533.427			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			210.646.016.537			
4	Thuế thu nhập cá nhân			100.639.314.029			
5	Thuế tài nguyên						
6	Lệ phí trước bạ			23.414.514.281			
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			2.747.776.845			
9	Thu tiền sử dụng đất			51.460.169.691			
	Trong đó, các khoản thu được Thành phố giao chi tiêu	19.590.000.000	13.995.000.000	53.885.784.293	30.628.592.279	275,07%	218,85%
10	Lệ phí trước bạ nhà đất	14.650.000.000	10.255.000.000	26.953.385.122	18.870.486.629	183,98%	184,01%
11	Thu phí, lệ phí	400.000.000		3.249.689.985	650.916.985	812,42%	

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
12	Lệ phí môn bài	800.000.000		1.702.214.587	744.634.151	212,78%	
13	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.940.000.000	2.940.000.000	3.533.637.331	3.533.637.331	120,19%	
14	Thu khác ngân sách	800.000.000	800.000.000	18.446.857.268	6.828.917.183	2305,86%	
II	Thu viện trợ						
B	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC						
C	BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH		515.658.000.000		523.977.016.324		101,61%
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG						
E	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG CHI CẢN ĐỔI THƯỜNG XUYỀN						

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Đính kèm Quyết định số Nước /QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)



Đơn vị: đồng

STT	Nội dung (I)		Quyết toán	So sánh (%)
	A	B		
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1	2	3=2/1
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	515.658.000.000	501.072.584.023	97,17%
I	Chi đầu tư phát triển	515.658.000.000	476.300.347.133	92,37%
1	Chi đầu tư cho các dự án	0		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên (chưa bao gồm Chương trình mục tiêu quốc gia)	495.825.000.000	476.300.347.133	96,06%
	Trong đó:			
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	347.735.866.000	320.435.156.362	92,15%
III	Dự phòng ngân sách	19.833.000.000		
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	Kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
	- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn			
	- Dân số Kế hoạch hóa gia đình			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		22.933.236.890	
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		1.839.000.000	

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Đính kèm Quyết định số 1406

/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)

Đơn vị: đồng



STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI CẤP XÃ	515.658.000.000	501.072.584.023	-14.585.415.977	97%
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI				
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	515.658.000.000	478.139.347.133	-37.518.652.867	93%
I	Chi đầu tư phát triển				
II	Chi thường xuyên	495.825.000.000	476.300.347.133	-19.524.652.867	96%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	347.735.866.000	320.435.156.362	-27.300.709.638	92%
-	Chi khoa học và công nghệ				
-	Chi quốc phòng	8.321.080.000	9.484.817.150	1.163.737.150	114%
-	Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội	22.456.066.000	21.079.827.247	-1.376.238.753	94%
-	Chi y tế, dân số và gia đình	14.824.900.000	11.373.735.037	-3.451.164.963	77%
-	Chi văn hóa thông tin				
-	Chi phát thanh, truyền hình				
-	Chi thể dục thể thao				
-	Chi bảo vệ môi trường	958.000.000	30.508.400	-927.491.600	3%
-	Chi các hoạt động kinh tế	890.000.000	151.479.244	-738.520.756	17%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	73.319.000.000	84.549.619.953	11.230.619.953	115%
-	Chi bảo đảm xã hội	25.080.088.000	29.195.203.740	4.115.115.740	116%
-	Chi thường xuyên khác	2.240.000.000			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng ngân sách	19.833.000.000			
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
VII	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		1.839.000.000	1.839.000.000	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		22.933.236.890	22.933.236.890	

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025
(Đính kèm Quyết định số 41/BC/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)



Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã
A	TỔNG CHI NSDP	$I=2+3$	2	3	$4=5+6$	5	6	$7=4/1$	$8=5/2$	$9=6/3$
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	515.658.000.000		515.658.000.000	501.072.584.023		501.072.584.023	97%		97%
I	Chi đầu tư phát triển	494.510.000.000		494.510.000.000	422.842.235.980		422.842.235.980	86%	-	86%
II	Chi thường xuyên (chưa bao gồm chi chương trình mục tiêu)	474.677.000.000		474.677.000.000	421.003.235.980		421.003.235.980	89%		89%
	Trong đó:									
I	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	347.733.866.000		347.733.866.000	312.887.216.362		312.887.216.362	90%		90%
2	Chi khoa học và công nghệ									
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay									
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
V	Dự phòng ngân sách	19.833.000.000		19.833.000.000						
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương									
VII	Chi nộp trả ngân sách cấp trên				1.839.000.000		1.839.000.000			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	21.148.000.000		21.148.000.000	55.297.111.153		55.297.111.153	261%		261%
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia									
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	21.148.000.000		21.148.000.000	55.297.111.153		55.297.111.153	261%		261%
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				22.933.236.890		22.933.236.890			

QUYẾT TOÁN CHỈ DẪN TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHỌ TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 202...
(Bút ký, Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)



STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục và đào tạo	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quân sự, dân quân, dân phòng, dân vệ	Chi bảo đảm xã hội	Chi dân tư khác	So sánh (%)
														Chi giáo dục và đào tạo	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=2/1
1	UBND phường Bình Hưng Hòa																		



QUYẾT TOÁN CHI THU CÔNG NUYỄN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 202..

(Đính kèm Quyết định số 146 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 1 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)

STT	Tên đơn vị	Dự toán HĐND phường giao	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác ngân sách	So sánh (%)
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18= 2/1
1	TỔNG SỐ	481.034.809.600	476.000.547.133	330.435.156.362		9.484.817.150	21.079.827.247	11.373.735.037				30.508.400	151.479.244			84.549.619.953	29.195.203.740		99,02%
2	Văn phòng Đảng ủy	7.075.824.000	9.105.981.983													9.105.981.983			128,69%
3	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	131.907.021.000	148.727.778.810	4.965.622.932		9.484.817.150	21.079.827.247	11.373.735.037				30.508.400	151.479.244			72.446.585.060	29.195.203.740		112,75%
4	Ủy ban MTTQ Việt Nam phường	3.890.289.000	2.997.052.910													2.997.052.910			77,04%
5	Trường MN Trục Đào	14.432.766.000	13.323.802.112	13.323.802.112															92,32%
6	Trường MN Anh Mai	5.762.792.000	5.207.414.114	5.207.414.114															90,36%
7	Trường MN Hoa Phương Vy	9.966.397.000	9.571.307.666	9.571.307.666															96,04%
8	Trường MN Đỗ Quyên	13.276.507.000	12.601.344.788	12.601.344.788															94,91%
9	Trường MN Nguyễn Quế	5.934.000.000	6.197.258.196	6.197.258.196															104,44%
10	Trường TH Bình Thuận	23.829.182.000	20.693.659.593	20.693.659.593															86,84%
11	Trường TH Lê Trọng Tấn	26.626.105.000	24.897.746.151	24.897.746.151															93,51%
12	Trường TH Bình Hưng Hòa	27.517.054.000	26.590.751.228	26.590.751.228															96,63%
13	Trường TH Bình Long	18.599.090.000	16.921.704.443	16.921.704.443															90,98%
14	Trường TH Phú Đông	25.824.373.000	25.137.587.009	25.137.587.009															97,34%
15	Trường TH Huỳnh Thúc Kháng	19.700.415.000	18.405.819.215	18.405.819.215															93,43%
16	Trường TH Trần Quang Phục	8.818.000.000	8.242.689.315	8.242.689.315															93,48%
17	Trường TH Trần Đại Nghĩa	3.829.651.000	3.534.212.664	3.534.212.664															92,81%
18	Trường THCS Trần Quốc Toản	40.931.473.000	38.609.866.453	38.609.866.453															94,65%
19	Trường THCS Nguyễn Trãi	49.042.800.000	45.625.238.145	45.625.238.145															93,03%
20	Trường THCS Lạc Long Quân	42.228.282.000	38.144.880.431	38.144.880.431															90,33%

Đơn vị: đồng



TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THU CÔNG XUYỀN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN NĂM 2025

Định kèm Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Dự toán HĐND giao	Bảo gồm			Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
				Dự toán năm trước chuyển sang	Bổ sung trong năm (nếu có)	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7=1-6	8	9
	TỔNG SỐ	545.506.136.951	481.034.809.600		70.252.632.351	-5.781.305.000	476.300.347.133	69.205.789.818	11.289.494.578	57.916.295.240
1	Văn phòng Đảng ủy	9.943.072.425	7.075.824.000		3.078.248.425	-211.000.000	9.105.981.983	837.090.442		837.090.442
2	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	186.372.567.926	131.907.021.000		55.633.050.926	-1.167.504.000	148.727.778.810	37.644.789.116	11.279.236.483	26.365.552.633
3	Ủy ban MTTQ Việt Nam phường	3.821.917.000	3.890.289.000		441.275.000	-509.647.000	2.997.052.910	824.864.090		824.864.090
4	Trường MN Trục Đào	14.265.344.000	14.432.766.000		335.140.000	-522.562.000	13.323.802.112	941.541.888		941.541.888
5	Trường MN Ánh Mai	6.019.500.000	5.762.792.000		276.708.000	-20.000.000	5.207.414.114	812.085.886	10.258.095	801.827.791
6	Trường MN Hoa Phương Vỹ	10.194.437.000	9.966.397.000		257.040.000	-29.000.000	9.571.307.666	623.129.334		623.129.334
7	Trường MN Đỗ Quyên	13.603.407.000	13.276.507.000		369.900.000	-43.000.000	12.601.344.788	1.002.062.212		1.002.062.212
8	Trường MN Nguyễn Quế	6.676.032.000	5.934.000.000		765.032.000	-23.000.000	6.197.258.196	478.773.804		478.773.804
9	Trường TH Bình Thuận	22.843.178.000	23.829.182.000		495.040.000	-1.481.044.000	20.693.659.593	2.149.518.407		2.149.518.407
10	Trường TH Lê Trọng Tấn	26.975.449.000	26.626.105.000		630.160.000	-280.816.000	24.897.746.151	2.077.702.849		2.077.702.849
11	Trường TH Bình Hưng Hòa	27.945.760.000	27.517.054.000		695.680.000	-266.974.000	26.590.751.228	1.355.008.772		1.355.008.772
12	Trường TH Bình Long	18.903.534.000	18.599.090.000		489.920.000	-185.476.000	16.921.704.443	1.981.829.557		1.981.829.557
13	Trường TH Phú Đồng	26.395.523.000	25.824.373.000		863.920.000	-292.770.000	25.137.587.009	1.257.935.991		1.257.935.991
14	Trường TH Lạc Hồng	20.696.115.000	19.700.415.000		1.211.360.000	-215.660.000	18.405.819.215	2.290.295.785		2.290.295.785
15	Trường TH Huỳnh Thái Kháng	9.239.400.000	8.818.000.000		454.400.000	-33.000.000	8.242.689.315	996.710.685		996.710.685
16	Trường TH Triều Quang Phúc	3.829.651.000	3.829.651.000		99.680.000	-99.680.000	3.554.212.664	275.438.336		275.438.336
17	Trường TH Trần Đại Nghĩa	1.882.586.600	1.842.788.600		92.278.000	-52.480.000	1.744.251.907	138.334.693		138.334.693
18	Trường THCS Trần Quốc Toản	41.917.381.000	40.931.473.000		1.162.600.000	-176.692.000	38.609.866.453	3.307.514.547		3.307.514.547
19	Trường THCS Nguyễn Trãi	50.347.100.000	49.042.800.000		1.398.300.000	-94.000.000	45.625.238.145	4.721.861.855		4.721.861.855
20	Trường THCS Lạc Long Quân	43.634.182.000	42.228.282.000		1.482.900.000	-77.000.000	38.144.880.431	5.489.301.569		5.489.301.569

QUYẾT TOÁN CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ NHÂN VIÊN
Định kèm Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa

STT	Tên đơn vị	Dự toán										Quỹ dự toán										Số sánh (%)				Dự kiến									
		Chi thường xuyên		Chi CTMOG		Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Chi CTMOG		Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Chi CTMOG		Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Chi CTMOG		Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Chi CTMOG		Chi đầu tư phát triển					
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Chi đầu tư phát triển				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24=12/1	25=13/2	26=14/3	27=15/4	28=16/5	29=17/6	30=18/7	31=19/8	32=20/9	33=21/10	34=22/11
TỔNG SỐ																																			
Phạm vi		315.658.000.000				315.658.000.000	47.772.000.000						391.072.584.023				478.200.347.131	1.29.415.156.465					22.931.206.800	1.839.000.000	97,17%				92,37%	92,15%					
Hạng mục																																			



ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA

QUYẾT TOÁN CHI BỎ SƯNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỈNH XÃ NĂM 2025

(Đính kèm Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung cần đối ngân sách	Dự toán										Quyết toán										Số sách (%)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
				Bổ sung cơ mục tiêu										Bổ sung cơ mục tiêu										Bổ sung cơ mục tiêu																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
				Chiếm					Tổng số	Chiếm					Tổng số	Chiếm					Tổng số	Chiếm					Tổng số	Chiếm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
				Vốn ngoài nước		Vốn trong nước	Vốn đầu tư để nghiệp vụ thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các CTMT, nhiệm vụ		Vốn thực hiện các CTMT, quốc gia	Vốn ngoài nước		Vốn trong nước	Vốn đầu tư để nghiệp vụ thực hiện các CTMT, nhiệm vụ		Vốn sự nghiệp thực hiện các CTMT, quốc gia	Bổ sung cơ mục tiêu		Tổng số	Vốn ngoài nước		Vốn trong nước	Vốn đầu tư để nghiệp vụ thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các CTMT, quốc gia																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Đưa kèm Quyết định số 1406 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)



Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSDP	Trong đó					Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Thu từ kết dư năm trước
			Thu NSDP hưởng theo phân cấp	Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Số bổ sung có mục tiêu			
A	B	1	2	3	4	5		6	7
	TỔNG SỐ	554.605.608.603	30.628.592.279	248.843.668.688	208.557.000.000	66.576.347.636			
1	Phường Bình Hưng Hòa	554.605.608.603	30.628.592.279	248.843.668.688	208.557.000.000	66.576.347.636			

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA

Biểu mẫu số 64

TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2025
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)

(Đính kèm Quyết định số 1406 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường
Bình Hưng Hòa)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ	142.876.066.000	154.679.954.036	108%
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	142.876.066.000	154.679.954.036	108%
-	Sự nghiệp giáo dục (thực hiện bao gồm thu học phí và thu thỏa thuận)	142.876.066.000	154.679.954.036	108%
-	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề			
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Sự nghiệp y tế			
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình			
6	Sự nghiệp thể dục thể thao			



**CÔNG KHAI THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN
NGÂN SÁCH NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1400 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2026
của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa)*

Năm 2025 là năm đầu tiên thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Phường Bình Hưng Hòa được thành lập theo Nghị quyết số 1685/NQ-UBTVQH ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích, quy mô dân số của phường Bình Hưng Hòa và phần lớn diện tích, quy mô dân số của phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân. Ngay những ngày đầu thành lập, dưới sự lãnh đạo sâu sát và toàn diện của Đảng ủy, sự chỉ đạo điều hành kiên quyết của Ủy ban nhân dân phường vừa triển khai thực hiện tốt công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, vừa thực hiện các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ phường nhiệm kỳ 2025 – 2030, thực hiện kịp thời các hoạt động đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 của phường đạt được nhiều kết quả quan trọng đã góp phần tạo nguồn thu khá tốt, đảm bảo có đủ nguồn chi; tăng cường tiết kiệm chống lãng phí để dành nguồn cho an sinh xã hội và các nhiệm vụ quan trọng cấp bách, đảm bảo các hoạt động được tiến hành thường xuyên, đúng kế hoạch với tinh thần tiết kiệm, đúng chế độ, định mức chi.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 3436/BTC-NSNN ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, đôn đốc địa phương thực hiện nhiệm vụ xét duyệt, kiểm tra quyết toán ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Công văn số 7444/STC-ĐP ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Sở Tài chính về triển khai Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phương án

phân bổ ngân sách năm 2025; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách phường Bình Hưng Hòa năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân lâm thời phường Bình Hưng Hòa về phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách phường năm 2025. Ủy ban nhân dân phường công khai quyết toán ngân sách phường năm 2025 như sau:

I. Về thu, chi ngân sách:

1. Thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 là 454.574.512.289 đồng.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 222.420.784.781 đồng
- Thuế thu nhập cá nhân: 100.639.314.029 đồng
- Thuế tài nguyên: 5.703.059 đồng
- Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: 2.747.776.845 đồng
- Thu tiền sử dụng đất: 51.460.169.691 đồng.
- Lệ phí trước bạ (không bao gồm lệ phí trước bạ nhà đất): 23.414.514.281 đồng.
- Lệ phí trước bạ nhà đất: 26.953.385.122 đồng, đạt 183,98 % dự toán (14.650.000.000 đồng). Nguyên nhân vượt dự toán là do sự phục hồi của thị trường bất động sản, bên cạnh đó Thuế cơ sở 9 Thành phố đã thực hiện các giải pháp tính và thu thuế trên giá trị thực chuyển nhượng.
- Thu phí, lệ phí: 3.249.689.985 đồng, đạt 812,42% dự toán (400.000.000 đồng).
- Lệ phí môn bài: 1.702.214.587 đồng, đạt 212,78% dự toán (800.000.000 đồng).
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 3.533.637.331 đồng, đạt 120,19% dự toán (2.940.000.000 đồng). Nguyên nhân vượt dự toán là do Ủy ban nhân dân phường đã tập trung thực hiện Kế hoạch số 23/KH-TCS9 ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thuế cơ sở 9 Thành phố về việc phối hợp thực hiện quản lý thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2025 trên địa bàn phường Bình Trị Đông, thực hiện triển khai xuống từng hộ dân hướng dẫn sử dụng và cài đặt Etax mobile, thành lập tổ công tác phối hợp với 81 khu phố thực hiện triển khai công tác đôn đốc (bao gồm phát Thông báo thuế đến từng hộ dân, hướng dẫn cài Etax mobile, và thu hộ tiền sử dụng đất cho người dân).
- + Thu khác ngân sách 18.446.857.268 đồng, đạt 2305,86% dự toán (800.000.000 đồng).

2. Thu, chi ngân sách địa phương năm 2025

2.1. Thu ngân sách địa phương năm 2025

Tổng thu ngân sách địa phương là 554.605.608.603 đồng, đạt 108% dự toán giao (dự toán giao là 515.658.000.000 đồng).

a) Tổng thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp là 30.628.592.279 đồng/13.995.000.000 đồng đạt 219% dự toán giao.

- Các khoản thu NSDP hưởng 100% là 7.522.375.521 đồng/3.740.000.000 đồng đạt 201% dự toán giao.

- Các khoản thu theo tỷ lệ (%) giữa các cấp ngân sách là 23.106.216.758 đồng/10.255.000.000 đồng, đạt 225% dự toán giao.

b) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 523.977.016.324 đồng.

- Bổ sung cân đối ngân sách là 457.400.668.688 đồng¹.

- Bổ sung có mục tiêu là 66.576.347.636 đồng².

2.2. Chi ngân sách địa phương năm 2025

Tổng chi ngân sách phường là 501.072.584.023 đồng đạt 97% so với dự toán giao đầu năm (515.658.000.000 đồng), cụ thể:

a. Chi đầu tư phát triển: Năm 2025 Ủy ban nhân dân phường không được giao dự toán.

b. Chi thường xuyên ngân sách phường là 476.300.347.133 đồng đạt 92,3% so với dự toán giao đầu năm (515.658.000.000 đồng), cụ thể:

- Chi sự nghiệp giáo dục: 320.435.156.362 đồng đạt 92% dự toán giao (347.735.866.000 đồng), chiếm tỷ trọng 67,3% chi thường xuyên. Nguyên nhân không đạt so với dự toán là do thực hiện cắt giảm tiết kiệm chi thường xuyên năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ với số tiền là 0,796 tỷ đồng³; các trường học trong thời gian hè giáo viên được nghỉ, thực hiện công tác đánh giá hằng quý theo kết quả thực hiện nhiệm vụ để chi tăng thu nhập theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố, do đó số chi khoản chi này thực hiện theo kết quả đánh giá dẫn đến thấp hơn số dự toán giao

- Chi quốc phòng: 9.484.817.150 đồng vượt 14 % dự toán giao (8.321.080.000 đồng). Nguyên nhân trong năm có bổ sung kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp hằng tháng của Khu, cấp đội trưởng; mức trợ cấp ngày công lao động, trợ cấp ngày công lao động tăng thêm đối với dân quân thường trực và dân quân theo Nghị quyết số 398/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 của HĐND Thành phố số tiền 5,047 tỷ đồng

¹ Dự toán giao là 494.510.000.000 đồng (bao gồm dự phòng ngân sách 19.833.000.000 đồng). Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân phường đã thực hiện nộp trả nguồn cải cách tiền lương ngân sách năm 2025 cho ngân sách cấp trên số tiền 23.114.331.312 đồng theo Công văn số 5057/STC-ĐP ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Sở Tài chính.

² Tổng kinh phí Thành phố giao bổ sung trong năm là 89.645.493.523 đồng; Kinh phí đã quyết toán trong năm: 55.297.111.153 đồng; Kinh phí chuyển sang năm sau để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ: 11.279.236.483 đồng; Kinh phí còn thừa phải nộp trả ngân sách Thành phố: 23.069.145.887 đồng;

³ Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường về thực hiện cắt giảm kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

- Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự: 21.079.827.247 đồng đạt 94% dự toán giao (22.456.066.000 đồng). Nguyên nhân đạt thấp so với dự toán là do chi trả kinh phí cho Tổ bảo vệ an ninh, trật tự theo số lượng người thực tế có mặt.

- Chi sự nghiệp y tế: 11.373.735.037 đồng đạt 77 % dự toán giao (14.824.900.000 đồng).

- Sự nghiệp môi trường: 30.508.400 đồng đạt 3% dự toán giao (958.000.000 đồng). Nguyên nhân đạt thấp so với dự toán là do trong năm, Ủy ban nhân dân phường đã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, thanh niên và nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường như vệ sinh đường phố, thu gom rác thải, chỉnh trang cảnh quan đô thị. Qua đó, một số nội dung công việc được thực hiện theo hình thức xã hội hóa, giảm chi từ ngân sách nhà nước; đồng thời, đơn vị tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu.

- Chi sự nghiệp kinh tế: 151.479.244 đồng đạt 17% dự toán (890.000.000 đồng). Nguyên nhân đạt thấp so với dự toán do nhiệm vụ tiền điện chiếu sáng dân lập⁴ chưa được phân cấp cho Ủy ban nhân dân phường thực hiện, mà do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận Bình Tân (thuộc Sở Xây dựng Thành phố) quản lý, triển khai, đến ngày Sở Xây dựng ban hành Quyết định số 684/QĐ-SXD-BTKT ngày 13 tháng 02 năm 2026 về giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, trong năm ngân sách không phát sinh nhiệm vụ chi tương ứng theo dự toán, dẫn đến tỷ lệ giải ngân thấp.

- Chi sự nghiệp xã hội: 29.195.203.740 đồng vượt 16% dự toán giao (4.115.115.740 đồng). Nguyên nhân do thực hiện chính sách tặng quà nhân dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 theo Nghị quyết số 263/NQ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ; tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026; quà tặng đối với người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng năm 2025 theo Nghị quyết số 342/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 84.549.619.953 đồng vượt 15% dự toán giao (73.319.000.000 đồng): Nguyên nhân do tăng định mức chi hoạt động thường xuyên theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố; thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ; thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ

c. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 1.839.000.000 đồng⁵

d. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau: 22.933.236.890 đồng⁶.

⁴ Biên bản bàn giao tiền điện chiếu sáng giữa Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực quận Bình Tân (895.769.159 đồng).

⁵ Nộp trả 10% tiết kiệm 7 tháng cuối năm 2025 theo Nghị quyết số 173/2025/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ tại Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường.

II. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2025

1. Về thu ngân sách

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân phường được giao nhiệm vụ thu ngân sách bắt đầu từ tháng 7 năm 2025. Ngay khi nhận được chỉ tiêu ngân sách căn cứ tình hình thực tế tại địa phương Ủy ban nhân dân phường đã phối hợp Thuế cơ sở 9 (địa bàn phường Bình Hưng Hòa) thành lập hội đồng tư vấn thuế và tập trung các giải pháp, phân đầu để hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Bên cạnh đó, được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy phường và sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường đã chỉ đạo các đơn vị liên quan tham mưu các giải pháp thực hiện có hiệu quả trong việc khai thác các nguồn thu, tích cực đôn đốc, thu hồi nợ đọng, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tăng cường chuyển đổi số, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với nhà nước. Do đó, kết quả thu ngân sách nhà nước năm 2025 hoàn thành vượt mức chỉ tiêu năm 2025 được giao.

2. Về chi ngân sách

Ngay khi đi vào hoạt động, Ủy ban nhân dân phường đã quán triệt chủ trương của Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về quản lý chi ngân sách nhà nước, điều hành chi ngân sách đảm bảo đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Ủy ban nhân dân phường luôn bám sát dự toán Thành phố giao, điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán đã phân bổ.

Ủy ban nhân dân phường đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chặt chẽ tài chính - ngân sách, ưu tiên thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, giáo dục và đào tạo, tập trung thực hiện các nhiệm vụ cần thiết. Ngoài ra, trong điều hành ngân sách Ủy ban nhân dân phường đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên đầu năm và tiếp tục thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025 theo Nghị quyết số 173/2025/NQ-CP của Chính phủ.

Năm 2025 các đơn vị sử dụng ngân sách có nhiều biến động vừa thay đổi cơ quan chủ quản, thay đổi nhân sự vừa phải thực hiện giao lại dự toán và điều chỉnh dự toán. Tuy nhiên tất các cơ quan đơn vị trên địa bàn phường luôn đoàn kết hỗ trợ nhau hoàn thành nhiệm vụ thu chi ngân sách được giao.

Nhìn chung năm 2025, Ủy ban nhân dân phường đã thực hiện chi theo đúng định mức và dự toán đã được duyệt, việc điều hành và chấp hành ngân sách đã thực hiện theo đúng Luật ngân sách, hướng dẫn Liên Sở Tài chính – Cục Thuế - Kho bạc Nhà nước Thành phố tại Công văn số 907/STC-CT-KBNN ngày

⁶ Chuyển nguồn cải cách tiền lương từ 70% nguồn tăng thu ngân sách địa phương thực hiện so với dự toán năm 2025 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2026: 11.643.742.312 đồng (theo khoản 4 Điều 66 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025), kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9 (chỉ khoa học công nghệ theo Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố) của Văn phòng HĐND và UBND phường 11.279.236.483 đồng và kinh phí tự chủ của trường MN Ánh Mai: 10.258.095 đồng (theo điểm e khoản 3 điều 66 Luật ngân sách nhà nước 2025).